**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 16a/BTP/BTTP/QLTLTS, 16b/BTP/BTTP/QLTLTS**

**(Tình hình tổ chức và hoạt động quản lý thanh lý tài sản)**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

- Biểu 16a/BTP/BTTP/QLTLTS phản ánh tình hình tổ chức và hoạt động quản lý thanh lý tài sản của tổ chức quản lý thanh lý tài sản/quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân trong kỳ báo cáo (năm) được sử dụng cho đơn vị báo cáo, gồm: Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân và Biểu này được gửi về Sở Tư pháp.

- Biểu 16b/BTP/BTTP/QLTLTS phản ánh tình hình tổ chức và hoạt động quản lý thanh lý tài sản trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo (năm) được sử dụng cho đơn vị báo cáo là Sở Tư pháp tỉnh/thành phố và Biểu này được gửi về Bộ Tư pháp.

- Địa bàn tỉnh được hiểu là địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

- Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bao gồm doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh.

- Quản tài viên là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Luật phá sản và Nghị định số 22/2015/NĐ-CP.

- Số vụ việc đã tiếp nhậnlà số vụ việc mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân đã thông báo nhận tham gia giải quyết vụ việc phá sản sau khi được Thẩm phán chỉ định.

- Số vụ việc đã giải quyết xong là số vụ việc mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân đã thực hiện xong việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp phá sản.

 - Số vụ việc đang giải quyết là số vụ việc mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân đang trong quá trình xử lý chưa có kết quả.

- Số tiền thù lao dịch vụ thu được là tổng mức thù lao mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân thu được theo quy định của Nghị định số 22/2015/NĐ-CP.

- Số tiền đã nộp thuế và nghĩa vụ tài chính là số tiền doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân phải nộp theo quy định pháp luật (bao gồm số tiền nộp thuế của tổ chức và của các Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân).

**2. Cách ghi biểu**

- Cột 1: Ghi số Chi nhánh của doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản.

- Cột 2: Ghi số Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản.

\* Số liệu từ cột 3 đến cột 8 bao gồm cả số liệu tại Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Tổ chức quản lý thanh lý tài sản (nếu có).

- Cột 3: Ghi số Quản tài viên của doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản.

- Cột 4: Ghi số vụ việc tiếp nhận, gồm số vụ việc tiếp nhận trong kỳ báo cáo và số vụ việc đang giải quyết kỳ trước chuyển sang.

- Cột 5: Ghi số vụ việc mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân đã giải quyết xong. Số liệu tại cột 5 là một phần số liệu của cột 4.

- Cột 6: Ghi số vụ việc mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân đang giải quyết. Số liệu tại cột 6 là một phần số liệu của cột 4.

Cột (5 + 6) = Cột 4

- Cột 7: Ghi số tiền thù lao dịch vụ của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân thu được.

- Cột 8: Ghi số tiền thuế và nghĩa vụ tài chính mà doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân phải nộp.

Riêng Biểu 16b/BTP/BTTP/QLTLTS: Sau khi rà soát, kiểm tra tính chính xác của số liệu, Sở Tư pháp tổng hợp chi tiết báo cáo của từng Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân vào các dòng tại các mục tương ứng và cộng dòng tổng từng mục, gồm: mục I (Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản), mục II (Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân), Dòng Tổng số = mục I + mục II; đồng thời ghi chú về số liệu quản lý của Sở Tư pháp theo hướng dẫn trong biểu mẫu.

**3. Nguồn số liệu**

- Biểu 16a/BTP/BTTP/QLTLTS: Từ hồ sơ, sổ sách ghi chép của doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản/quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân.

- Biểu 16b/BTP/BTTP/QLTLTS: Tổng hợp từ biểu mẫu Biểu 16a/BTP/BTTP/QLTLTS và từ các hồ sơ, tài liệu khác theo dõi công tác quản lý thanh lý tài sản tại Sở Tư pháp.